DANH SÁCH ĐỦ ĐIỀU KIỆN, TIÊU CHUẨN DỰ THI NÂNG NGẠCH CÔNG CHỨC LÊN KẾ TOÁN VIÊN NĂM 2021

(Ban hành kèm theo Công văn số /CV-HĐT ngày /2/2022 của Hội đồng thi nâng ngạch, thăng hạng viên chức hành chính năm 2021)

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Thời gian giữ ngạch (kể cả ngạch tương đương)	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của ngạch dự thi					Có đề án, công trình	Được miễn thi		Ngoại ngữ đăng ký thi	Ghi chú
		Nam	Nữ				Hệ số lương	Mã số ngạch hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Trình độ lý luận chính trị	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		Tin học	Ngoại ngữ		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
1	Lê Thị Thúy Hằng		20/9/1986	Nhân viên phòng Hành chính Tổng hợp, Chi cục Kiểm lâm	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	11 năm	2,86	06.032	Đại học Kế toán	Sơ cấp	Kế toán viên	B	B, CC Ê đê			X		
2	Nguyễn Thị Thủy Tiên		12/12/1986	Nhân viên phòng Hành chính Tổng hợp, Chi cục Kiểm lâm	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	10 năm 2 tháng	2,86	06.032	Đại học Kế toán	Sơ cấp	Kế toán viên	B	B, CC Ê đê			X		
3	Trần Thị Bích		10/02/1985	Nhân viên Đội KLCĐ và PCCCR số 1, Chi cục Kiểm lâm	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	8 năm 4 tháng	2,46	06.032	Đại học Kế toán		Kế toán viên	A	B				Tiếng Anh	
4	H' Lam Niê Kriêng		09/12/1984	Nhân viên Hạt Kiểm lâm huyện Ea Súp	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	11 năm 8 tháng	2,86	06.032	Đại học Kế toán		Kế toán viên	A	B, CC Ê đê			X		
5	H' Nguyệt Niê		28/8/1986	Nhân viên Hạt Kiểm lâm Krông Ana - Cư Kuin	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	9 năm 10 tháng	2,66	06.032	Cử nhân Tài chính - ngân hàng	Sơ cấp	Kế toán viên	B	B, CC Ê đê			X		
6	Lê Thị Thu Hồng		27/7/1984	Nhân viên Phòng Hành chính, tổng hợp, Chi cục Chăn nuôi và Thú y	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	13 năm 6 tháng	3,06	06.032	Đại học Kế toán	Sơ cấp	Kế toán viên	B	B, CC Ê đê			X		
7	Nguyễn Văn Tuấn	24/10/1980		Phòng Hành chính, tổng hợp, Chi cục Thủy lợi	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	14 năm 6 tháng	3,65	06a.031	Đại học Kế toán	Sơ cấp	Kế toán viên	Văn phòng	B, CC Ê đê			X		

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Thời gian giữ ngạch (kể cả ngạch tương đương)	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của ngạch dự thi					Có đề án, công trình	Được miễn thi		Ngoại ngữ đăng ký thi	Ghi chú
		Nam	Nữ				Hệ số lương	Mã số ngạch hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Trình độ lý luận chính trị	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		Tin học	Ngoại ngữ		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
8	Vũ Huyền Trang		30/12/1985	Kế toán phòng KT&HT	UBND huyện Lắk	8 năm	2,86	06.032	Đại học Kế toán		Kế toán viên	B	B, CC tiếng Mnông			X		
9	Trần Thị Mận		20/07/1986	Kế toán Văn phòng HĐND&UBND huyện	UBND huyện Lắk	8 năm	2,86	06.032	Đại học Kế toán		Kế toán viên	UDCN TT CB	B, CC tiếng Mnông			X		
10	Trương Thị Tình		03/03/1985	Kế toán phòng Tài chính - Kế hoạch	UBND huyện M'Đrắk	13 năm	3,06	06.032	Đại học Kế toán		Kế toán viên	UDCN TT CB	A2, CC tiếng Ê đê			X		
11	Nguyễn Thị Hà		24/07/1985	Kế toán phòng TN&MT	UBND huyện M'Đrắk	12 năm	3,06	06.032	Đại học Kế toán		Kế toán viên	B	B, CC tiếng Ê đê			X		
12	Đặng Thị Thương		06/9/1976	Kế toán Phòng Tài chính Kế hoạch	UBND huyện Krông Pắc	20 năm	2,86	06.032	Đại học Kế toán		Kế toán viên	B	CC tiếng Ê đê			X		
13	Đỗ Thị Hoanh		11/5/1983	Kế toán viên trung cấp	Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và HĐND tỉnh	13 năm	3,46	06.032	Cử nhân Kế toán		Kế toán viên	Trung cấp	B, CC tiếng Êđê		X	X		
	Tổng cộng 13 trường hợp																	